TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 268/2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 06/5/2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Doãn Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Năm

2. Bà Thái Thục Hiền

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hứa Hồng Đào – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Phan Tuyết Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 527/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2019 về "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1977

Địa chỉ: 231/107 DBT, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Mỹ L, sinh năm 1979

Thường trú: 231/107 DBT, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hiện cư trú tại: 231/109 DBT, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 02/5/2019 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn – Ông Nguyễn Văn Q trình bày:

Ông và Bà Huỳnh Thị Mỹ L chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 28/11/1997. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi vả do bất đồng quan điểm, tính

tình; mâu thuẫn phát sinh ngày càng trầm trọng ảnh hưởng đến tình trạng hôn nhân. Hai bên đã nhiều lần hòa giải nhưng không thể kéo dài cuộc sống chung, đã ly thân từ tháng 02 năm 2018 đến nay. Nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm nên Ông Q đề nghị Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với Bà L.

Về con chung: Ông và Bà L có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh Đ sinh ngày 17/02/1998, đã thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Q xác định ông và Bà L không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - Bà Huỳnh Thị Mỹ L trình bày:

Bà thống nhất lời trình bày của Ông Q về thời gian kết hôn, trong thời gian chung sống vợ chồng có quan điểm trái ngược nhau, thường xuyên gây gổ nên cuộc sống gia đình luôn trong tình trạng căng thẳng, ngột ngạt. Hai bên đã cố gắng để hàn gắn gia đình nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của Ông Q.

Về con chung: Ông bà có một con chung tên Nguyễn Huỳnh Đ, sinh ngày 17/02/1992, đã thành niên.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống bà và Ông Q có tài sản chung là căn nhà số 231/107 DBT, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng căn nhà trên mảnh đất do mẹ chồng tặng cho. Bà yêu cầu được chia 50% giá trị của căn nhà trên.

Về nợ chung: Bà và Ông Q không có nợ chung, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Nguyễn Văn Q và Bà Huỳnh Thị Mỹ L có đăng ký kết hôn, Ông Q yêu cầu ly hôn với Bà L, xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về "tranh chấp ly hôn".

Hiện nay, bị đơn là Bà Huỳnh Thị Mỹ L đang cư trú tại Quận 8 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn Ông Nguyễn Văn Q có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt Ông Q.

Bị đơn Bà Huỳnh Thị Mỹ L, Tòa án đã triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng Bà L vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt Bà L.

[3] Về yêu cầu của các đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo Trích lục kết hôn số 183/TLKH-BS ngày 10/4/2019 của Ủy ban nhân dân Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, cùng lời khai của Ông Q và Bà L về việc các đương sự tự nguyện kết hôn với nhau, nên đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa Ông Q và Bà L là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của Ông Q: Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi vả do bất đồng quan điểm, tính tình; mâu thuẫn phát sinh ngày càng trầm trọng ảnh hưởng đến tình trạng hôn nhân. Hai bên đã nhiều lần hòa giải nhưng không thể kéo dài cuộc sống chung, đã ly thân từ tháng 02 năm 2018 đến nay. Ông Q xác định vợ chồng không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân với Bà L. Hơn nữa, theo lời khai của Bà L cũng xác nhận mâu thuẫn gia đình của vợ chồng đã không còn hàn gắn được và bà cũng đồng ý ly hôn Ông Q.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân chỉ đạt được mục đích trên cơ sở yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ các công việc trong gia đình, đồng thời vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau. Quan hệ hôn nhân giữa Ông Q và Bà L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai bên đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Do đó, việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của Ông Q là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Ông Q và Bà L có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh Đ sinh ngày 17/02/1998, đã thành niên.

Do con chung đã thành niên, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung:

Ông Q xác định ông và Bà L không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Xét, Bà L yêu cầu chia tài sản khi ly hôn là 50% giá trị căn nhà số 231/107 DBT, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án nhân dân Quận 8 đã có thông báo số 527 ngày 18 tháng 10 năm 2019 yêu cầu Bà L nộp tiền tạm ứng án phí. Tuy nhiên đến nay Bà L vẫn không cung cấp biên lai nộp tiền tạm ứng án phí theo yêu cầu của Tòa án xem như Bà L đã từ bỏ yêu cầu. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Ông Q và Bà L cùng xác định không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) Ông Q phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn Q về việc xin ly hôn với Bà Huỳnh Thị Mỹ L.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Q được ly hôn với Bà Huỳnh Thị Mỹ L (Giấy chứng nhận kết hôn số 82 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/11/1997).

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh Đ sinh ngày 17/02/1998, đã thành niên.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Về nợ chung: Đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) Ông Nguyễn Văn Q phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí Ông Q đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0019587 ngày 09/5/2019 của Chi cục thi

hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Q đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND.TPHCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- UBND Phường A, Quận H;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

Doãn Thị Nga